

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 6 – 2021

V/v tranh chấp chia tài sản chung
sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Ông Phan Kiên Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:
Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 311/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXX - ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2021/QĐXXST - DS ngày 09/6/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1964 (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà M là: Luật sư Nguyễn Ngọc S – Văn phòng Luật sư số B – Thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1963 (Có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989 (Có mặt)

2/ Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

3/ Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1997 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Bùi Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 01/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Tam Bình có ra Quyết định số: 133/2018/QĐST – HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị M và ông Nguyễn Thế H, về con chung.

Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân:

Thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đất có gắn căn nhà cấp 4 có giá trị 198.415.423đồng theo biên bản định giá ngày 13/11/2018.

Nay bà M yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ phần diện tích đất là 2.805,45m² và căn nhà. Bà M đồng ý hoàn lại giá trị căn nhà cho ông H với số tiền là 25.000.000đồng.

* Bị đơn là ông Nguyễn Thế H trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà M về hôn nhân, về con chung. Riêng tài sản chung: Ông H thống nhất có thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn Thế H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nhưng đây là tài sản riêng của ông H không phải tài sản chung vợ chồng.

Nay ông H đồng ý cho con chung là anh Nguyễn Thanh T phần đất gắn liền căn nhà diện tích 218,4m² thuộc thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Ngoài ra ông H không đồng ý chia phần đất trên theo yêu cầu của bà M, anh T, chị T, chị T1.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh Tùng trình bày:*

Anh T là con ruột của ông Nguyễn Thế H và bà Bùi Thị M. Anh T yêu cầu được hưởng $\frac{1}{5}$ giá trị căn nhà và $\frac{1}{5}$ diện tích đất 1.268m² trong thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Tùng rút yêu cầu độc lập.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Chị T là con ruột của ông Nguyễn Thế H và bà Bùi Thị M. Chị T yêu cầu được hưởng $\frac{1}{5}$ giá trị căn nhà và $\frac{1}{5}$ diện tích đất 1.268m² trong thửa đất cũ A

(thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:*

Chị T1 là con ruột của ông Nguyễn Thế H và bà Bùi Thị M. Chị T1 yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà và 1/5 diện tích đất 1.268m² trong thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29/4/2021 chị T1 có đơn xin rút yêu cầu độc lập.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 147, 161, 165, 217, 218, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 33, 37, 38, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình 2014; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị M.

Về tài sản chung:

1. Công nhận bà Bùi Thị M được hưởng ½ diện tích đất tại thửa A diện tích đất là 2693.7 m² trên tổng diện tích 5.610.9 m² đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích đất 2.693,7 m² được tính từ các mốc như sau 5B,6,7,8,9,10,1,5B.

2. Công nhận ông Nguyễn Thế H được hưởng ½ diện tích đất là 2698.8 m² trên tổng diện tích 5.610.9 m² đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Diện tích đất 2.698,8 m² được tính từ các mốc như sau 5,5A,10,9,1,2,3,4,5.

Bà Bùi Thị M ông Nguyễn Thế H được hưởng trọn các cây trồng gắn liền trên thửa đất của mình được hưởng. Ông, bà được quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất được hưởng theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi thị M và ông Nguyễn Thế H cho anh Nguyễn Thanh T được hưởng trọn các tài sản là các vật kiến trúc gắn liền trên thửa đất 156 gồm:

- 01 nhà chính có kết cấu khung móng, cột bê tông cốt thép, vách tường gạch men, mái tôn, không trần diện tích 111,105 m².

- 01 nhà tạm có kết cấu cột gỗ tạm, không vách, mái lá, nền đá, diện tích 34,38 m².

- 01 nhà tạm có kết cấu cột gỗ tạm, vách ván, mái tôn, nền đất, diện tích 15,855 m².

- Đường đal có kết cấu bê tông cốt thép, diện tích 15,52 m².

4. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh T cho ông Nguyễn Thế H số tiền là 50.000.000 đồng.

5. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T1 do Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đương sự vắng mặt không lý do.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T vì ngày 29/4/2012 chị T có đơn yêu cầu rút yêu cầu độc lập của mình.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thanh T tại phiên tòa đương sự rút yêu cầu độc lập.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị M phải chịu án phí trên phần tài sản được hưởng là: $2.693,7\text{m}^2 \times 70.000\text{đồng/m}^2 = 188.559.000\text{đồng}$, án phí phải nộp là: $188.559.000\text{đồng} \times 5\% = 9.427.950\text{đồng}$.

Ông Nguyễn Thế H phải chịu án phí trên phần tài sản được hưởng là: $2.698,8\text{m}^2 \times 70.000\text{đồng/m}^2 = 188.916.000\text{đồng}$, án phí phải nộp là: $188.916.000\text{đồng} \times 5\% = 9.445.800\text{đồng}$

Anh Nguyễn Thanh T chịu án phí trên số tiền 50.000.000 đồng mà ông Nguyễn Thế H được hưởng $50.000.000\text{đồng} \times 5\% = 2.500.000\text{đồng}$

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T. Sung công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thanh T, do đương sự rút yêu cầu nên hoàn lại cho chị T, anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí thẩm định giá, khảo sát đo đạc: Bà Bùi Thị M tự nguyện nộp.

Các đương sự không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng, không cung cấp thêm chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Ngày 01/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Tam Bình có ra Quyết định số: 133/2018/QĐST – HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị M, ông Nguyễn Thế H và về con chung.

[3] Về tài sản chung vợ chồng gồm có:

[3.1] Phần đất tại thửa A, tờ bản đồ số 11 diện tích đo đạc thực tế là 5.610,9 m² có nguồn gốc là ông, bà nội của ông H cho vợ chồng ông Nguyễn Thế H và bà Bùi Thị M canh tác và sử dụng. Đến năm 2002 thì hộ ông H trực tiếp kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất có gắn căn nhà cấp 4 của vợ chồng bà M và ông H.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được về phần tài sản như sau: Thửa đất A diện tích đo đạc thực tế là 5.610,9 m² bà M và ông H thỏa thuận mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Nguyễn Thế H và bà Bùi Thị M thống nhất tự thỏa thuận như sau:

+ Công nhận ông Nguyễn Thế H được hưởng phần đất tại chiết thửa mới A – 1 (chiết thửa cũ A – 1), diện tích là 2.698,8m², tờ bản đồ số mới 11 (tờ bản đồ cũ 4), loại đất T + vườn, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, do hộ ông Nguyễn Thế H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

+ Công nhận bà Bùi Thị M được hưởng phần đất tại chiết thửa mới A – 2 (chiết thửa cũ A – 2), diện tích là 2.693,7m², tờ bản đồ số mới 11 (tờ bản đồ cũ 4), loại đất T + vườn, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, do hộ ông Nguyễn Thế H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

[3.2]. Về căn nhà: 01 căn nhà cấp 4 gắn trên phần đất diện tích 218,4m² tại chiết thửa mới A – 3 (A – 3 cũ), tờ bản đồ mới 11 (tờ bản đồ cũ 4), diện tích 218,4m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cùng các tài sản chung gồm:

- 01 căn nhà chính có kết cấu khung móng, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền láng gạch tàu, mái tôn, không trần diện tích 111.105m²;

- 01 căn nhà phụ 1 có kết cấu khung cột gỗ tạm, mái lá, nền đất, không vách diện tích 34,38m²;

- 01 căn nhà phụ 2 có kết cấu cột gỗ tạm, mái tôn, nền đất, vách ván diện tích 15,855m²;

- Đường đal có kết cấu bê tông cốt thép, diện tích 15,52 m².

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Bùi Thị M và ông Nguyễn Thế H đồng ý cho anh Nguyễn Thanh T được hưởng căn nhà cùng các tài sản, vật kiến trúc gắn liền trên phần đất tại thửa mới A – 3 (thửa cũ A – 3), tờ bản đồ mới số 11 (tờ bản đồ cũ 4), diện tích là 218,4m², tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn Thế H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giao cho anh Nguyễn Thanh T được trọn quyền quản lý và sử dụng. Anh T

đồng ý nhận phần đất này và tự nguyện giao cho ông Nguyễn Thế H số tiền là 50.000.000đồng.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký phần đất biến động nói trên theo luật định.

[3.3] Về cây trồng trên đất gồm: 230 cây tre (cao hơn 5m) trị giá 3.450.000đồng, 02 cây xoài (từ 1 – 5 năm tuổi) trị giá 130.000đồng, 07 cây xoài (từ 7 – 20 năm tuổi) trị giá 2.800.000đồng, 07 cây sắn (từ 10 – 20cm) trị giá 70.000đồng, 95 cây chuối (cao hơn 1m) trị giá 950.000đồng, 43 cây dừa (từ 01 – 5 năm tuổi) trị giá 3.440.000đồng, 02 cây trâm bầu (đường kính 10 – 20cm) trị giá 20.000đồng, 02 cây chằm (đường kính 10 – 20cm) trị giá 20.000đồng, 04 cây mít (từ 7 – 20 năm tuổi) trị giá 1.000.000đồng, 03 cây dừa (hơn 20 năm tuổi) trị giá 870.000đồng, 15 cây dừa (từ 7 – 20 năm tuổi) trị giá 7.500.000đồng, 04 cây chôm chôm (từ 1 - 5 năm tuổi) trị giá 320.000đồng, 03 cây Sơn trắng (từ 20 – 30cm) trị giá 60.000đồng, 32 cây tầm vong (cao hơn 5m) trị giá 320.000đồng, 01 cây sao (từ 20 – 30cm) trị giá 60.000đồng, 01 cây vẹt (từ 10 – 20) trị giá 10.000đồng, 04 cây măng cụt (từ 1 - 7 năm tuổi) trị giá 720.000đồng, 45 cây trúc (cao hơn 5m) trị giá 135.000đồng, 02 cây mít (từ 1 - 5 năm tuổi) trị giá 130.000đồng, 01 cây chanh (từ 1 - 3 năm tuổi) trị giá 20.000đồng, 04 cây mận (từ 3 - 10 năm tuổi) trị giá 400.000đồng, 90m² lá dừa nước (cao hơn 5m) trị giá 450.000đồng, 01 cây sầu riêng (từ 1 - 5 năm tuổi) trị giá 105.000đồng, 01 cây bơ từ (từ 1 - 5 năm tuổi) trị giá 20.000đồng, 01 cây vú sữa (từ 1 - 5 năm tuổi) trị giá 50.000đồng, 01 cây tứ quý (từ 1 - 3 năm tuổi) trị giá 20.000đồng, 01 cây bàng (đường kính từ 10 – 20 cm) trị giá 15.000đồng, 02 cây sake (từ 1 - 5 năm tuổi) trị giá 130.000đồng, 01 cây sơ ri (từ 1 - 3 năm tuổi) trị giá 56.000đồng. Tổng giá trị cây trồng là 23.511.000đồng. Ông H và bà M thỏa thuận cây trồng gắn trên phần đất của ai thì người đó được hưởng không yêu cầu ai hoàn lại giá trị.

[4] Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thanh T về việc rút yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà và 1/5 diện tích đất 1.268m² trong thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc rút yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà và 1/5 diện tích đất 1.268m² trong thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Xét yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T: Ngày 05/9/2018 chị T có ủy quyền cho nguyên đơn là Bùi Thị M làm người đại diện theo ủy quyền.

Đối với các yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T không có cơ sở xem xét: Tại đơn yêu cầu độc lập, chị Nguyễn Thị Thanh T có yêu cầu đối lập với yêu cầu của bà M nên căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 87 Bộ luật tố tụng

Dân sự năm 2015: “1. Những người sau đây không được làm đại diện theo pháp luật: Nếu họ cũng là đương sự trong cùng một vụ việc với người được đại diện mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện....” thì phía bà M không được làm đại diện theo ủy quyền của chị T. Mặt khác, Tòa án huyện Tam Bình triệu tập hợp lệ lần hai nhưng chị T không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T.

[7] Về chi phí tố tụng:

[7.1] Về chi phí khảo sát, đo đạc đất và định giá tài sản:

Bà M tự nguyện nộp chi phí khảo sát đo đạc là 4.200.000đồng. Được khấu trừ vào số tiền bà M tạm nộp bằng 5.399.000đồng, bà M được nhận số tiền còn thừa là 1.199.000đồng (bà M đã nhận lại xong ngày 28/06/2021).

[7.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: giá đất để tính án phí đất cây lâu năm là 70.000đồng/m². Đất thổ: 170.000đồng/m².

- Bà M phải chịu án phí trên phần tài sản được hưởng cụ thể: $(2.693,7\text{m}^2 \times 70.000\text{đồng}) \times 5\% = 9.427.950\text{đồng}$; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.869.000đồng theo biên lai thu số 0011070 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên bà M còn phải nộp thêm 6.558.950đồng.

- Ông H phải chịu án phí trên phần tài sản được hưởng cụ thể: $(2.698,8\text{m}^2 \times 70.000\text{đồng}) \times 5\% = 9.445.800\text{đồng}$.

- Hoàn lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.869.000đồng theo biên lai thu số 0011073 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Anh T phải chịu tiền án phí đối với số tiền 50.000.000đồng mà anh T tự nguyện cho ông H là $50.000.000\text{đồng} \times 5\% = 2.500.000\text{đồng}$. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.869.000đồng theo biên lai thu số 0011071 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh T được nhận lại số tiền chênh lệch là 369.000đồng.

- Sung vào công quỹ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 2.869.000đồng theo biên lai thu số 0011072 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 147, 161, 165, 217, 218, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 33, 37, 38, 59, 62 Luật hôn nhân gia đình 2014; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Bùi Thị M

1/ Về tài sản chung:

- Công nhận ông Nguyễn Thế H được hưởng phần đất tại chiết thửa mới A – 1 (chiết thửa cũ A – 1), diện tích là $2.698,8\text{m}^2$, tờ bản đồ số mới 11 (tờ bản đồ cũ 4), loại đất T + vườn, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, do hộ ông Nguyễn Thế H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

- Công nhận bà Bùi Thị M được hưởng phần đất tại chiết thửa mới A – 2 (chiết thửa cũ A – 2), diện tích là $2.693,7\text{m}^2$, tờ bản đồ số mới 11 (tờ bản đồ cũ 4), loại đất T + vườn, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, do hộ ông Nguyễn Thế H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

- Về căn nhà: Công nhận căn nhà cấp 4 gắn trên phần đất diện tích $218,4\text{m}^2$ tại chiết thửa mới A – 3 (A – 3 cũ), tờ bản đồ mới 11 (tờ bản đồ cũ 4), diện tích $218,4\text{m}^2$, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cho anh T quản lý, sử dụng cùng các tài sản chung gồm:

+ 01 căn nhà chính có kết cấu khung móng, cột bê tông cốt thép, vách tường, nền lát gạch tàu, mái tôn, không trần diện tích 111.105m^2 ;

+ 01 căn nhà phụ 1 có kết cấu khung cột gỗ tạm, mái lá, nền đất, không vách diện tích $34,38\text{m}^2$;

+ 01 căn nhà phụ 2 có kết cấu cột gỗ tạm, mái tôn, nền đất, vách ván diện tích $15,855\text{m}^2$;

+ Đường đal có kết cấu bê tông cốt thép, diện tích $15,52\text{ m}^2$

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký phần đất biến động nói trên theo luật định.

Về cây trồng trên đất: Ông H và bà M thỏa thuận cây trồng gắn trên phần đất của ai thì người đó được hưởng không yêu cầu ai hoàn lại giá trị.

[2]. Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Thanh T về việc rút yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà và 1/5 diện tích đất 1.268m^2 trong thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo $5.610,9\text{m}^2$, loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T1 về việc rút yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà và 1/5 diện tích đất 1.268m^2 trong thửa

đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4]. Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu được hưởng 1/5 giá trị căn nhà và 1/5 diện tích đất 1.268m² trong thửa đất cũ A (thửa mới A1) diện tích thực đo 5.610,9m², loại đất T + vườn, tờ bản đồ cũ số 4 (tờ bản đồ mới số 11), tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do hộ ông Nguyễn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đất.

[5] Về chi phí tố tụng:

[5.1] Về chi phí khảo sát đo đạc đất và định giá tài sản:

Bà M tự nguyện nộp chi phí khảo sát đo đạc là 4.200.000đồng. Được khấu trừ vào số tiền bà M tạm nộp bằng 5.399.000đồng, bà M được nhận số tiền còn thừa là 1.199.000đồng (bà M đã nhận lại xong ngày 28/06/2021).

[5.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: giá đất để tính án phí đất cây lâu năm là 70.000đồng/m². Đất thổ: 170.000đồng/m².

- Bà M phải chịu án phí trên phần tài sản được hưởng là 9.427.950đồng; Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.869.000đồng theo biên lai thu số 0011070 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên bà M còn phải nộp thêm 6.558.950đồng.

- Ông H phải chịu án phí trên phần tài sản được hưởng là 9.445.800đồng.

- Hoàn lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.869.000đồng theo biên lai thu số 0011073 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

- Anh T phải chịu tiền án phí đối với số tiền 50.000.000đồng là 2.500.000đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.869.000đồng theo biên lai thu số 0011071 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh T được nhận lại số tiền chênh lệch là 369.000đồng.

- Sung vào công quỹ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 2.869.000đồng theo biên lai thu số 0011072 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại

phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hồng Chi